TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Đặng Thị Lan Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Chu Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị G, địa chỉ: Số X, đường B, khối Y, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H; địa chỉ: Số Z, C, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, hiện đang chấp hành án tại trại giam P, Cục C, Bộ C thuộc xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/11/2020 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lưu Thị G trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 4 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C ngày 19-12-2016. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn vui vẻ, hòa thuận được một thời gian ngắn. Cuối năm 2016, vào thời gian chị sinh con

thì chị phát hiện anh H có sử dụng ma túy và sống vô trách nhiệm với vợ, con, để mặc mình chị cáng đáng việc nuôi dạy, chăm sóc con và kiếm tiền trang trải cuộc sống. Bản thân chị và gia đình, người thân đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H còn tuyên bố thà bỏ vợ, con chứ không bỏ ma túy. Mâu thuẫn giữa hai anh, chị càng ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đầu năm 2020 anh H bị bắt và xử phạt 27 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành án tại trại giam P. Nay chị Lưu Thị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế H. Về con chung: Chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 26-11-2016. Khi ly hôn, chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thủy T đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2021, bị đơn anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh và chị Lưu Thị G tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn. Tháng 12 năm 2020 chị G lên thăm anh tại trại giam P và thông báo với anh về việc chị G muốn ly hôn với anh. Anh xác định bản thân hiện đang phải chấp hành án, chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng. Nhưng anh chưa muốn ly hôn để sau khi chấp hành án anh có thời gian bù đắp cho chị G và con anh không thiếu thốn tình cảm của cha, mẹ. Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 26-11-2016. Khi ly hôn sau khi chấp hành án phạt tù xong, anh H muốn được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thủy T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Lưu Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn do nguyên nhân khách quan, hiện đang chấp hành án tại trại giam P nên không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị G; giao cho chị Lưu Thị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 26-11-2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có; về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thế H.

[3] Chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thời điểm kết hôn anh, chị có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc kết hôn giữa chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Đến cuối năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn, bỏ mặc vợ, con và sa vào con đường nghiện ngập ma túy. Chị G đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H vẫn tiếp tục nghiện ma túy và đến đầu năm 2020 anh H bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt 02 năm 03 tháng tù giam, chấp hành án tại trại giam P.

[4] Qua xác minh được biết tình trạng vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, gia đình, khối xóm biết có khuyên giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Bản thân anh Nguyễn Thế H không muốn ly hôn nhưng cũng thừa nhận anh chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng đối với chị G. Hiện tại anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam P. Tại phiên tòa chị Lưu Thị G vẫn cương quyết xin được ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị Lưu Thị G xin ly hôn với anh Nguyễn Thế H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 26-11-2016. Anh Nguyễn Thế H hiện đang chấp hành án nên không thể chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị Lưu Thị G hiện đang làm tại tiệm cắt tóc, thu nhập hàng tháng từ 08 đến 10 triệu đồng. Như vậy, chị G có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị Lưu Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Lưu Thị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân

Xử cho chị Lưu Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

(Trích lục kết hôn số 599/TLKH-BS ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung

Chị Lưu Thị G và anh Nguyễn Thế H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy T, sinh ngày 26-11-2016. Khi ly hôn, chị Lưu Thị G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lưu Thị G không yêu cầu. Anh Nguyễn Thế H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí

Chị Lưu Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lưu Thị G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002591 ngày 10-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Lưu Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo

Chị Lưu Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thế H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CC THADS TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- UBND phường C, TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Nhàn